TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST Ngày 29-11-2018 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bấm

Ông Nguyễn Hồng Đại

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Thủy, Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 751/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn số 785/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn T H T; nơi ĐKHKTT: Số 40/161 phố C, phường G V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 7/290 đường T, phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Đỗ K A, nơi ĐKHKTT: Số 40/161 phố C, phường G V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 11 ngõ 1 đường Đ, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn ngày 22 tháng 6 năm 2018, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn T H T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 chị và anh Đỗ K A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 08 tháng 3 năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 2 năm, đến đầu năm 2014 giữa hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, từ những việc nhỏ trong cuộc sống hàng ngày cũng dẫn đến xung đột, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Chị T và anh K A đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị T về nhà mẹ đẻ sinh sống. Gia đình và bạn bè hai bên đã động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đỗ K A để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh K A không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ K A vắng mặt tại phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do và anh K A cũng không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án gửi Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh K A. Chị T và anh K A không có con chung nên không đặt vấn đề giải quyết; tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đỗ K A cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý ngày 31/8/2018 đến ngày 26/10/2018 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Đỗ K A đến Tòa án nhiều lần, đã tống đạt trực tiếp cho anh K A thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt tại trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Những lần không thể tống đạt trực tiếp các văn bản cho bị đơn vì anh K A không có mặt tại nơi cư trú; Tòa án đã lập biên bản về việc không thực hiện được việc tống đạt cho anh K A đồng thời niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, trụ sở Uỷ ban nhân dân phường Đông Khê và tại nơi cư trú của anh K A. Và anh K A cũng không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án gửi Tòa án. Tại phiên tòa ngày 12/11/2018, nguyên đơn chị Nguyễn T H T có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Đỗ K A vắng mặt lần thứ nhất không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T vì lý do công việc nên không tham gia phiên tòa được và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đỗ K A tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[4] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị T đã trình bày, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được hơn 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp, từ những việc nhỏ trong cuộc sống hàng ngày cũng dẫn đến xung

đột, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn căng thẳng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay; giữa hai vợ chồng không có sự yêu thương, quan tâm và chăm sóc nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng anh K A đều vắng mặt thể hiện anh không thiện chí để hoà giải đoàn tụ gia đình. Tài liệu xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K A đã trầm trọng, không thể khắc phục, anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị T xác định không còn tình cảm với anh Đỗ K A và tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh K A đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung:

[5] Chị T và anh K A không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản:

[6] Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1; 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn T H T được ly hôn anh Đỗ K A.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn T H T và anh Đỗ K A không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn T H T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014850 ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Nguyễn T H T, anh Đỗ K A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thu